TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **51** /2018/HSST
Ngày: 31- 5- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH – TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hoàng Văn Đích

2. Ông Nguyễn Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Diệu Thanh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/HSST-QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Triệu Văn N, sinh ngày 27/5/1999

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm V, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
- Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Con bà Triệu Thị X, sinh năm 1968;
- Vợ, con: chưa có
- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Triệu Văn N bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2018 đến ngày 12/02/2018, sau thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị caó đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dung - Trợ giúp viên pháp lý – Trung T trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thái Nguyên.

- Bị hại: Anh Dương N T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Chị Thân Thị T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Ông Dương Viết H, sinh năm 1953

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Anh Tạ Văn H, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/01/2018, Triệu Văn N đến quán internet nhà chị Thân Thị T ở Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì gặp Tạ Văn H sau đó cả hai cùng ngồi chơi điện tử và ngủ lại qua đêm tại quán. Đến khoảng 8 giờ 00 phút sáng ngày 08/01/2018, Triệu Văn N đi ra khu vực sân nhà chị T thì phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô BKS: 20G1 – 121.88 nhãn hiệu Honda Wave màu đen – bạc sau xác định là của anh Dương N T đang dựng cùng một số xe mô tô khác tại sân nhà chị T. Lúc này N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của anh T. Do không có chìa khóa điện của xe nên Triệu Văn N đi đến dùng tay dắt chiếc xe mô tô của anh T đi ra phía ngoài cổng thì chị T nhìn thấy nên có hỏi N: "Mày làm gì thế" thì N trả lời: "xe cháu hết xăng" . Thấy vậy chị T không nói gì còn N tiếp tục dắt chiếc xe mô tô trên ra khỏi quán rồi đi dọc bờ kênh đào về hướng thị trấn H, huyện P. Khi đến cổng nhà ông Dương Viết H ở Tổ dân phố 3, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì dừng lại và vào hỏi mượn ông H chiếc kéo, mục đích để phá khóa điện của xe mô tô BKS 20G1 – 121.88 nhưng ông H không cho mượn. Do không phá được khóa điện nên N để lại xe ở quán nhà ông H và nói "Tí cháu quay lại lấy" rồi đi bộ ra khu vực ngã tư thị trấn H. Tại đây, N mượn điện thoại của một người dân nhắn tin cho Tạ Văn H, lúc này Tạ Văn H vẫn đang ở quán internet nhà chị T, N nhắn tin bảo Tạ Văn H ra gặp N để nhờ đưa đến chỗ gửi xe lúc trước. Khi Tạ Văn H chở N quay lại nhà ông H để lấy xe thì ông H nghi ngờ là xe trộm cắp nên đã yêu cầu N phải xuất trình giấy tờ xe thì mới cho lấy. Do không xuất trình được giấy tờ xe nên N và Tạ Văn H đã bỏ đi và để lại chiếc xe mô tô BKS 20G1 – 121.88 ở tại nhà ông H còn anh T sau khi phát hiện bị mất xe đã đến Công an thị trấn H, huyện P trình báo nội dung sự việc và sau khi nhận đơn trình báo, Công an thị trấn H đã đến nhà ông Dương Viết H thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20G1- 121.88 mà N để lại ở đó rồi chuyển hồ sơ cùng vật chứng đến Công an huyện P để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 10/01/2018, cơ quan CSĐT Công an huyện P ra quyết định trưng cầu định giá tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave BKS: 20G1 – 121.88 mà N lấy trộm của anh T. Tại bản kết luận định giá tài sản số 175/KL/ĐG ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 20G1 – 121.88 có trị giá 9.000.000đồng.

Tại cơ quan điều tra Triệu Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của N phù H với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan CSĐT Công an huyện P đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án

Vật chứng của vụ án là: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave BKS: 20G1 – 121.88 hiện đã thu hồi và trả cho bị hại.

Bản Cáo trạng số47/KSĐT ngày 7 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt đối với bị cáo Triệu Văn N từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

* Phần bồi thường dân sự: Anh Dương T N đã nhận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave BKS: 20G1 – 121.88 và không có yêu cầu gì.

*Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo:

Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa ngày hôm nay làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng người, đúng tội, không oan sai, quá trình điều tra lấy cung không bị ép cung, mớm cung đối chiếu quy định pháp luật hiện hành hành vi phạm tội của **Triệu Văn N** là đúng với tội danh và phù H với các chứng cứ có trong hồ sơ. Nên trong vụ án này người bào chữa không tranh luận với KSV về khung hình phạt và tội danh đề nghị HĐ XX xem xét.

Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h, i, s Điều 51 BLHS năm 2015; Ngoài ra bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 như: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị hại đã tha thứ cho bị cáo; bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương nhận giám sát giáo dục; Bị cáo là người dân tộc thiểu số. Từ những căn cứ trên người bào chữa đề nghị mức án là 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; miễn hình phạt bổ sung và án phí hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Triệu Văn N không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm về hành vi phạm tội của mình; xác định việc truy tố xét xử là không oan, đúng người đúng tội; nay bị cáo đã ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án trên. Lời khai nhận của bị cáo phù H với lời khai của những người bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 8/01/2018, tại khu vực Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng sơ hở của chủ tài sản bị cáo Triệu Văn N có hành vi trộm cắp của anh Dương N T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave BKS: 20G1 – 121.88. Giá trị tài sản là: 9.000.000đ (chín triệu đồng) . Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường H sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3]Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4]Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do vậy hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo cải tạo tại địa phương; Bị cáo là người dân tộc thiểu số. Do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không

phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đồng đến 50.000.000đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại là anh Dương N T đã nhận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave BKS: 20G1 – 121.88 và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Mức án mà vị đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù H, tuy nhiên do bị cáo tuổi đời còn trẻ; phạm tội lần đầu thuộc trường H ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nơi cư trú rõ ràng; có nhân thân tốt…; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (3 tình tình tiết) và có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định ở Điều 52 BLHS năm 2015. Nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục cải tạo bị cáo.

[8] Đối với đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo thì thấy rằng: Đối với yêu cầu cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 và bị hại tại phiên tòa đã tha thứ cho bị cáo và xin cho bị cáo được cải tạo tại phương; bị cáo là người dân tộc thiểu số tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 là phù H; đối với tình tiết có nơi cư trú rõ ràng thì đây không phải tình tiết giảm nhẹ mà là điều kiện cho hưởng án treo; tình tiết bị cáo có đơn xin cải tạo tại phương và được UBND xã nơi cư trú nhận giám sát giáo dục thì tại đơn xin lao động cải tạo tại phương của bị cáo N chính quyền địa phương chỉ xác nhận Triệu Văn N có hộ khẩu tại Xóm V, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên không coi đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Đối với đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án là 03 tháng tù cho hưởng án treo là quá nhẹ, không đảm bảo cho việc giáo dục bị cáo, không thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Về miễn hình phạt bổ sung là phù H; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là không có căn cứ.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Triệu Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1**.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Triệu Văn N12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ , tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Ghi nhận việc bị hại là anh Dương N T đã nhận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave BKS: 20G1 – 121.88.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Triệu Văn N phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo (Triệu Văn N), bị hại (Dương N T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Lý

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhài